**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN LONG HỒ**
**TỈNH VĨNH LONG**
Bản án số: 119/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/8/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Huỳnh Tấn P**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Nguyễn Văn T**
2. Ông **Huỳnh Anh D**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Hồ Quế T** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LH tham gia phiên toà:* Không tham gia

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 296/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1990 (có mặt)
Địa chỉ: Số 184/12, ấp TL, xã TQ, huyện LH, tỉnh VL.
*Bị đơn*: Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 73/7, ấp PL A, xã PQ, huyện LH, tỉnh VL.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Trên cơ sở quen biết tự tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PQ, huyện LH, tỉnh VL ngày 02/7/2018. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, anh T thường hay nhậu nhẹt, không chăm lo gia đình. Chị T nhiều lần khuyên can nhưng anh T không sửa đổi mà mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng nên hai người sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể tiếp tục nên

chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

Con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Mai T, sinh năm 2018. Hiện đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết;

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Ngọc T không có bản khai cũng như không tham dự phiên hòa giải.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T vẫn bảo lưu ý kiến của mình.
- Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt không có lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Ngọc T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2018, chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Ngọc T quen biết nhau đã tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/7/2018 tại UBND xã PQ, huyện LH, tỉnh VL là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy: chị T và anh T chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T thường hay uống rượu, không chăm lo gia đình. Chị T đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T không sửa đổi nên hai vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2020 cho đến bây giờ. Anh T không có bản khai ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không tham dự phiên hòa giải. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Mai T, sinh năm 2018 hiện nay đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến

gì về việc chị T yêu cầu nuôi con. Mặc khác, hiện nay cháu T đang sống chung với chị T, để môi trường sống của cháu T không bị xáo trộn và đảm bảo sự phát triển tòa diện cho cháu sau này. Nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Mai T, sinh ngày 14/5/2018 cho chị Nguyễn Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003303 ngày 08/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH, tỉnh VL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADSHLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Tấn Phong**